



Original Article

The Management of Care, Nursing of Children between the Ages of 6 Months and 36 Months: The Research of Some Preschools in Vinh Phuc Province

Khong Thi Van Anh¹, Le Ngoc Hung^{2,*}, Bui Thi Phuong³

¹*Chich Bong Preschool, 149 Ton Duc Thang, Khai Quang, Vinh Yen, Vinh Phuc, Vietnam*

²*VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

³*Hanoi University of Public Health, 1A Duc Thang, Bac Tu Liem, Hanoi, Vietnam*

Received 17 January 2024

Revised 06 February 2024; Accepted 07 February 2024

Abstract: Kindergarten education is the "foundation of educational foundation" of the national education system including pre-school education, general education, occupational education and university education. However, pre-school education in general and kindergarten education in particular lack in-depth theoretical and empirical research. The number of children attending kindergarten education accounts for a small percentage in pre-school education. This article focuses on researching and applying theories of educational sciences in the management of nursing and caring for kindergarten children aged from 6 months to 36 months old. The article uses review method and case study of some preschools in Vinh Phuc province. The article's findings can expand thinking about applying theories of education sciences and finding management measures to improve preschool educational quality and opportunities for children as well as the foundation for the national educational system.

Keywords: Educational sciences, theory, preschool education, kindergarten, care, nursing, children.

* Corresponding author.

E-mail address: lengochungvnu2021@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4891>

Quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi: nghiên cứu trường hợp một số trường mầm non tại tỉnh Vĩnh Phúc

Không Thị Vân Anh¹, Lê Ngọc Hùng^{2,*}, Bùi Thị Phương³

¹Trường Mầm non Chích Bông, 149 Tôn Đức Thắng, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, Việt Nam

²Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

³Trường Đại học Y tế Công cộng Hà Nội, 1A Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 17 tháng 01 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 06 tháng 02 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 07 tháng 02 năm 2024

Tóm tắt: Giáo dục nhà trẻ là “nền tảng của nền tảng” giáo dục đối với hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Tuy nhiên, giáo dục mầm non nói chung và giáo dục nhà trẻ nói riêng thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về lý luận và thực tiễn. Đồng thời số lượng trẻ em tiếp cận giáo dục nhà trẻ chiếm tỉ lệ nhỏ trong giáo dục mầm non. Do vậy, bài viết này tập trung nghiên cứu áp dụng các lý thuyết của các khoa học giáo dục trong quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em nhà trẻ trong đội tuổi từ 6 đến 36 tháng tuổi. Đồng thời bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan và phương pháp nghiên cứu trường hợp một số trường mầm non ở tỉnh Vĩnh Phúc. Các phát hiện của bài viết có thể gợi mở suy nghĩ về vận dụng lý thuyết khoa học và tìm kiếm biện pháp quản lý nhằm cải tiến chất lượng kết hợp với mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nhà trẻ góp phần xây dựng vững chắc “nền tảng của nền tảng” cho sự phát triển hệ thống giáo dục quốc dân.

Từ khóa: Khoa học giáo dục, lý thuyết. giáo dục mầm non, trường mầm non, nuôi dưỡng, chăm sóc, trẻ em.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non đóng vai trò nền tảng cho toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện kết hợp bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc với giáo dục trẻ em trước tuổi vào lớp Một. Theo Luật Giáo dục (2018) trẻ em đến trường mầm non trong độ tuổi từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi được giáo dục nhà trẻ và trẻ em từ 3 tuổi đến 6 tuổi được giáo dục mẫu giáo [1]. Công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đã đạt được nhiều thành tựu cơ bản, quan trọng trong đó có thành tựu phổ cập giáo dục mẫu giáo cho trẻ 5 tuổi: năm học 2016-2017 tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học

mẫu giáo đạt 98,75%. Tuy nhiên, trong thực tế, trẻ em đến trường mầm non từ 6 đến 36 tháng tuổi và số lượng trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi (6-36 tháng tuổi) chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng số trẻ em ở bậc giáo dục mầm non. Về mặt lý luận, mặc dù giáo dục nhà trẻ là nền tảng của giáo dục mầm non tạo, nền tảng của nền tảng cơ sở cho các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên, hiện có không nhiều các nghiên cứu khoa học về giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo đối với trẻ em trong độ tuổi tương ứng. Do vậy, bài viết này tập trung nghiên cứu về quản lý việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi thông qua phương pháp nghiên cứu tổng quan và nghiên cứu trường hợp một số trường mầm non ở thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Mục đích của bài viết là gợi mở suy nghĩ về việc

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: lengochungvnu2021@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4891>

nghiên cứu vận dụng lý thuyết của các khoa học giáo dục trong việc tìm các biện pháp quản lý nhằm cải tiến chất lượng giáo dục mầm non nói chung và tăng chất lượng giáo dục nhà trẻ kết hợp với mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nhà trẻ nói riêng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng là một quyền quan trọng của trẻ em được quy định trong Công ước về quyền trẻ em (1989) (UNDP, 1989) [2]. Một nghiên cứu lý luận về hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mầm non năm 2017 đã xác định rõ chăm sóc trẻ gồm những nội dung cơ bản là chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ, chăm sóc vệ sinh và chăm sóc giấc ngủ cho trẻ em; Nuôi dưỡng trẻ em gồm những nội dung là đảm bảo chế độ ăn, uống theo tiêu chuẩn dinh dưỡng, an toàn, vệ sinh thực phẩm cho trẻ (C. N. T. Dung, 2017) [3]. Về mặt lý luận, quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở trường mầm non gồm bốn nhóm chức năng là lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra, đánh giá, thường gọi tắt là “kế, tổ, đạo, kiểm”. Trong đó, lập kế hoạch được phân cấp gồm lập kế hoạch cấp độ nhà trường, cấp độ tổ chuyên môn và cấp độ cá nhân giáo viên. Quan niệm về phân cấp quản lý trong lập kế hoạch có thể cần được triển khai trong các chức năng còn lại của quản lý, đồng thời cần quan tâm tới những chức năng khác của quản lý trong đó có chức năng phối hợp và thiết lập hệ thống, cấu trúc quản lý của tổ chức (L. N. Hùng, 2022) [4]

Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự phát triển thể lực, tinh thần, tâm lý của trẻ. Một nghiên cứu năm 2019 cho thấy việc thiếu kiến thức và thực hành nuôi dưỡng, chăm sóc là nguyên nhân chủ yếu của việc trẻ bị suy dinh dưỡng, cụ thể là kiến thức và thực hành của bà mẹ có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe trẻ từ 6 - 24 tháng (N. H. Tân, 2019) [5]. Năm 2019, để làm rõ thực trạng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, một nghiên cứu đã khảo sát đối với 33 cán bộ quản lý, 145 giáo viên và 140 phụ huynh trong các trường mầm non tại một quận của Thành phố Hồ Chí Minh

(P. M. Lê, 2019) [6]. Nghiên cứu này cho biết: hoạt động nuôi dưỡng trẻ em mầm non với 17 nội dung chủ yếu gắn với việc ăn, uống của trẻ được cán bộ quản lý đánh giá đạt mức 3,39/5 điểm, tương đương với mức tốt 67,8% và phụ huynh đánh giá đạt mức 3,40/5 điểm, phụ huynh học sinh, tương đương mức tốt 68,0%. Hoạt động chăm sóc trẻ em mầm non với 16 nội dung gắn với chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt, vệ sinh, phòng và chống tai nạn, thương tích được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá đạt 3,19/5 điểm, tương đương mức tốt 62,8% và cha mẹ học sinh đánh giá đạt mức 3,41/5 điểm, tương đương mức tốt 68,1% [6]. Năm 2021, một nghiên cứu xác định được hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại trường mầm non là quá trình thực hiện tổng hợp việc chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc theo chương trình giáo dục mầm non (H. T. Nhẫn, 2021) [7]. Như vậy cán bộ, giáo viên trường mầm non có thể đánh giá khắt khe hơn so với các phụ huynh và điều này cho thấy trường mầm non cần phải nỗ lực rất nhiều nữa để đảm bảo tăng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non. Về mặt quản lý giáo dục mầm non, cuộc khảo sát (2021) tại 15 trường mầm non công lập ở một quận của Thành phố Hồ Chí Minh với mẫu khảo sát gồm 127 người (27 cán bộ quản lý và 100 giáo viên, nhân viên) đã đề xuất được năm nhóm biện pháp theo tiếp cận chức năng (H. T. Nhẫn, 2021) [8]. Đó là biện pháp: i) Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non; ii) Lập kế hoạch hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong trường mầm non; iii) Tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; iv) Chỉ đạo thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ; và v) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên trường mầm non [8]. Các biện pháp này cần được thực hiện bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường. Tuy nhiên, năm nhóm biện pháp này có thể chưa nhất quán với nhau, ví dụ biện pháp chỉ đạo và kiểm tra có thể bao quát những nội dung vượt ra ngoài biện pháp “lập kế hoạch”. Về tiêu chí nghề nghiệp của giáo viên mầm non, một nghiên cứu đề xuất được ba nhóm kỹ năng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc

trẻ em mầm non gồm kỹ năng tổ chức bữa ăn cho trẻ, kỹ năng tổ chức giấc ngủ cho trẻ và kỹ năng giáo dục vệ sinh bảo vệ sức khỏe cho trẻ [8]. Các nghiên cứu nêu trên đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý giáo dục mầm non nói chung và còn ít tập trung vào nhóm trẻ em nhà trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi. Đây là nhóm trẻ thuộc giáo dục nhà trẻ cần có những biện pháp quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục chuyên nghiệp và phù hợp.

3. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

3.1. Khung lý thuyết

Nghiên cứu này không theo quan điểm “Trẻ em là trung tâm” mà dựa trên khung lý thuyết được xây dựng từ những luận điểm và những khái niệm cơ bản của nhóm lý thuyết của các khoa học giáo dục về học tập và nhóm lý thuyết về quản lý trong môi liên hệ chặt chẽ với các lý thuyết về quản trị, quản lý và hành chính trong lĩnh vực giáo dục (L. N. Hùng, 2022) [4]. Theo lý thuyết hệ thống, việc quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em cần được xem xét trong hệ thống cơ sở giáo dục mầm non luôn tương tác với môi trường xung quanh với yếu tố trực tiếp là phụ huynh học sinh, cán bộ quản lý giáo dục ở địa phương và các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cụ thể. Các khoa học giáo dục đã phát triển được một loạt các lý thuyết kinh điển và hiện đại về học tập và phát triển con người có thể áp dụng trong giáo dục mầm non (ở Việt Nam, trẻ em đến trường mầm non từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi). Trong số đó cần kể tới bộ ba chủ thuyết hành vi của Watson (1913) [9], chủ thuyết văn hoá xã hội của Vygotsky (1934) [10] và chủ thuyết phát triển tâm trí người của Piaget (1924) [11]. Đồng thời cần nhắc đến những lý thuyết khác về học tập (L. N. Hùng, 2022) [4]. Trong số đó nổi bật nhất là lý thuyết tâm lý học xã hội của Erikson (1950) về phát triển bản sắc [12], lý thuyết học tập xã hội của Bandura (1977) [13], lý thuyết sinh thái học phát triển người của Urie Bronfenbrenner (1979) [14], lý thuyết phát triển đạo đức của Kohlberg (1981) [15], Lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb (1984) [16] và lý

thuyết phát triển trí tuệ đa bội của Gardner (2011) [17].

Từ nhiều góc độ khác nhau, các chủ thuyết và các lý thuyết này đều nhấn mạnh rằng giáo dục mầm non nói chung và nuôi dưỡng, chăm sóc nói riêng đối với trẻ em 6-36 tháng tuổi cần phải chú trọng các đặc điểm phát triển lứa tuổi của trẻ em; Đồng thời, nuôi dưỡng và chăm sóc cần phải được thực hiện kết hợp hài hoà với bảo vệ, giáo dục trong các môi trường xã hội thuận lợi và phù hợp. Cụ thể là môi trường giáo dục mầm non cần được kiến tạo một cách chuyên nghiệp bởi đội ngũ giáo viên và cán bộ giáo dục nhằm phát triển toàn diện tất cả những phẩm chất, năng lực vốn có của trẻ em.

Trong nhóm các lý thuyết khoa học quản lý, nổi bật nhất là lý thuyết hành chính học của Fayol (1917) nhấn mạnh năm chức năng [18]. Đó là chức năng: i) Lập kế hoạch (dự báo); ii) Tổ chức (việc thực hiện kế hoạch); iii) Chỉ đạo (chỉ huy việc thực hiện kế hoạch); iv) Phối hợp (các bên liên quan trong thực hiện kế hoạch); và v) Kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch (bao gồm kiểm tra, đánh giá). Fayol đã từng nhấn mạnh đây là năm chức năng của hành chính đại cương và hành chính trong các tổ chức công nghiệp vào những thập niên đầu thế kỷ XX [18]. Cần thấy rằng, cùng với khoa học hành chính do Fayol khởi xướng đã xuất hiện, phát triển các khoa học hành chính, khoa học lãnh đạo và gần đây nói nhiều đến khoa học quản trị. Ở Việt Nam, những yếu kém trong giáo dục đòi hỏi phải đổi mới căn bản, toàn diện được xác định là có nguyên nhân từ việc lúng túng, chưa phân định rõ quản lý giáo dục với quản trị trường học và lãnh đạo, hành chính trong trường học. Bài viết này không đi sâu trình bày, phân tích các lý thuyết khoa học chuyên ngành này, nhưng nhấn mạnh rằng cần kế thừa và có đổi mới trong việc xác định những chức năng cơ bản mà bất kỳ một nhà quản lý, lãnh đạo, quản trị, hành chính nào cũng có năng lực thực hiện.

Theo lý thuyết khoa học lãnh đạo, người đứng đầu trường học như hiệu trưởng hay tổ trưởng chuyên môn có chức năng đặc trưng là “truyền thông” để thông tin và truyền động lực, cảm hứng thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi

của người khác bao gồm các thành viên trong tổ và ngoài tổ chức trong cộng đồng xã hội về sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược phát triển của tổ chức (cụ thể ở trường hợp này là trường học). Lý thuyết quản lý theo mô hình đồng nghiệp, mô hình văn hoá và mô hình cộng đồng đều nhấn mạnh một chức năng cơ bản của quản lý là “huy động tham gia” của các thành viên trong tổ chức và ngoài tổ chức trong thực hiện mục tiêu, kế hoạch xác định. Ở Việt Nam gọi cách tiếp cận quản lý này là quản lý theo tinh thần xã hội hoá và được thể chế hoá thành điều quy định trong Luật Giáo dục (2018) về “xã hội hoá sự nghiệp giáo dục” [1].

Như vậy, về khái niệm nghiên cứu, bài viết này áp dụng các lý thuyết nêu trên để xác định và tìm hiểu thực trạng sáu chức năng cơ bản trong quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong giáo dục mầm non và được gọi ngắn gọn là “truyền thông”, “tham gia”, “lập kế hoạch”, “tổ chức”, “chỉ đạo”, “kiểm soát”. Đồng thời, bài viết sử dụng một số khái niệm liên quan như sau. “Giáo dục mầm non”, theo Luật Giáo dục (2018), được xác định là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp đến là cấp giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học [1]. Giáo dục mầm non thực hiện kết hợp hài hoà việc bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc với giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi. Trong cơ sở giáo dục mầm non, trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi (36 tháng tuổi) thuộc “giáo dục nhà trẻ” và trẻ em từ 3 tuổi đến 6 tuổi thuộc “giáo dục mẫu giáo”. Như vậy, trong nghiên cứu này “trẻ em 6 - 36 tháng tuổi” thuộc giáo dục nhà trẻ trong trường mầm non được chọn khảo sát. Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6 - 36 tháng tuổi cần phải được thực hiện kết hợp hài hoà với bảo vệ và giáo dục trẻ em bảo đảm phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em nhằm phát triển toàn diện về thể chất, tinh cảm, kỹ năng xã hội, trí tuệ, thẩm mỹ của trẻ em. Chương trình giáo dục mầm non (2021) quy định rõ “nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe” gồm bốn việc là i) “Tổ chức ăn”; ii) “Tổ chức ngủ”; iii) “Vệ sinh” (cá nhân và môi trường); và iv) “Chăm sóc sức khỏe và an toàn” (khám sức khỏe định kỳ, phòng tránh các bệnh thường gặp và bảo vệ an toàn, phòng tránh

một số tai nạn thường gặp) [19] (Ministry of Education and Training, 2021). Trong bài viết này, “Cán bộ giáo dục” được xác định là những người thực hiện những vai tương ứng với vị trí việc làm trong lĩnh vực lãnh đạo, quản trị, quản lý, hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục hoặc/và trong cơ sở giáo dục (L. N. Hùng, 2021) [20]. Khung lý thuyết (Hình 1) cho biết “CÁN BỘ” gồm các bộ quản lý của trường mầm non cụ thể là hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tổ trưởng tổ chuyên môn và các cán bộ quản lý khác trong trường. “Cán bộ” ngoài trường mầm non là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành ở địa phương được khảo sát (Hình 1).

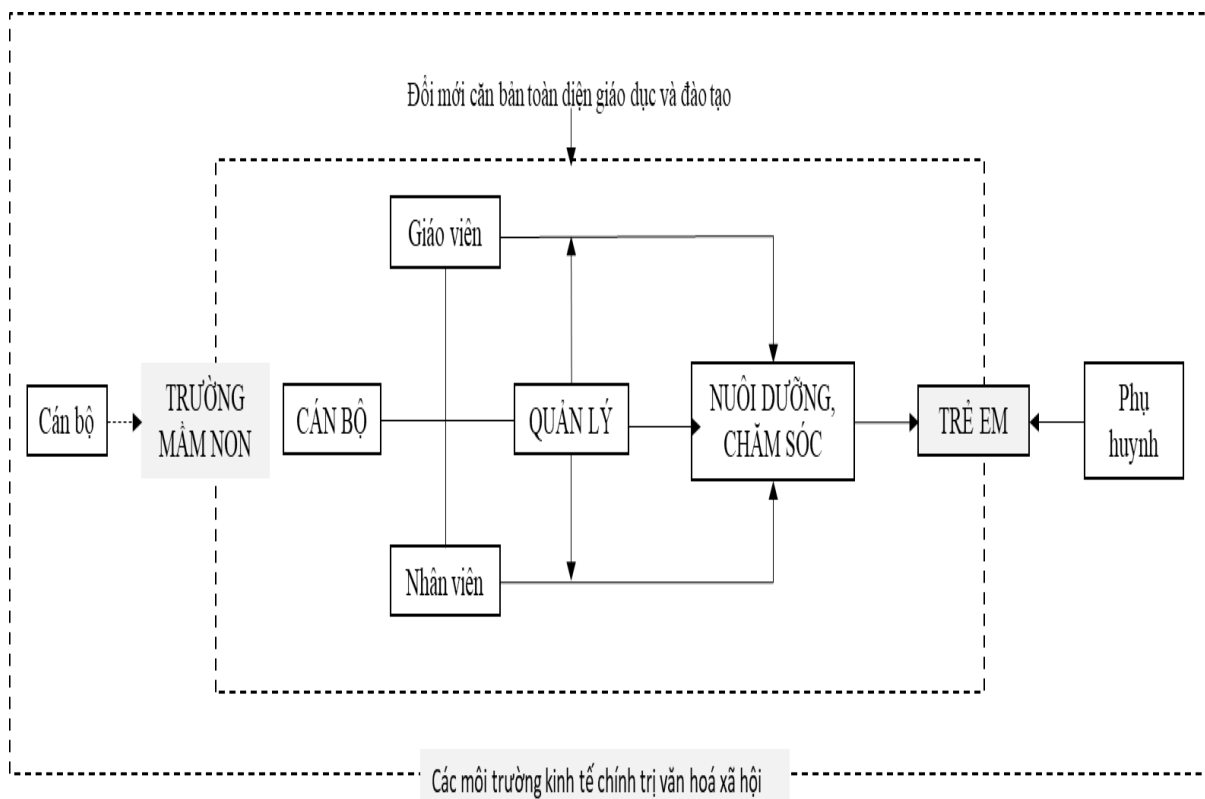
Theo cách tiếp cận lý thuyết hệ thống tổng quát của Bertalanffy, Parsons, Luhmann và Gharajedaghi, có thể trình bày tóm tắt các luận điểm và khái niệm nghiên cứu cơ bản nêu trên thành một khung lý thuyết (L. N. Hùng, 2021) [20]. Hình 1 phản ánh khái quát các yếu tố của hệ thống quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em với các bên liên quan trong và ngoài trường mầm non. “Cán bộ” trường mầm non “quản lý” các hoạt động “nuôi dưỡng, chăm sóc” đối với “trẻ em” đang học trong “trường mầm non” và đồng thời “quản lý” các hoạt động của “giáo viên” và “nhân viên” thực hiện việc “nuôi dưỡng, chăm sóc” đối với “trẻ em” học tập trong “trường mầm non”. “Phụ huynh” là một bên liên quan trực tiếp đến “trẻ em” và tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau theo tinh thần “biết, bàn, làm, kiểm tra, hưởng thụ” trong “quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em” của trường mầm non. “Cán bộ” ngoài trường đang làm việc ở các cấp, các ngành tại địa phương là các bên liên quan có ảnh hưởng nhiều mặt nhất là đầu tư phát triển giáo dục để mở rộng các cơ hội giáo dục cho trẻ em và cải tiến chất lượng giáo dục của trường mầm non. Theo lý thuyết hệ thống, cụ thể là theo Gharajedaghi, quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em của trường mầm non là một hệ thống “hướng đích, cởi mở, vượt trội, đa chiều cạnh và phản trực cảm” [22]. Hệ thống này luôn tương tác chặt chẽ với “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” với ảnh hưởng của các yếu tố từ các môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cụ thể của địa phương và cả nước đang công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

chuyển đổi số và chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan và dữ liệu từ cuộc khảo sát tại năm trường mầm non (gồm bốn trường công lập và một trường tư thục) ở thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trong nửa đầu năm 2023 (K. T. V. Anh, 2013) [23]. Mẫu khảo sát gồm 30 cán bộ trường mầm non được khảo sát (gồm hiệu trưởng, hiệu phó và tổ trưởng tổ chuyên môn), 150 giáo viên, 150 phụ huynh học sinh của năm trường

mầm non và 20 cán bộ quản lý liên quan đến giáo dục mầm non ngoài trường ở địa phương. Phương pháp chọn mẫu mang tính chất tiện lợi với mục đích nghiên cứu thăm dò, đánh giá thực trạng và phát hiện vấn đề. Các câu hỏi khảo sát tập trung vào những nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6 - 36 tháng tuổi tại trường mầm non được chọn. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert gồm năm mức tương ứng với mức độ đánh giá từ mức 1 điểm thấp nhất nghĩa là “rất kém” đến mức 5 điểm cao nhất nghĩa là rất tốt.



Hình 1. Khung lý thuyết hệ thống về quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em của trường mầm non.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả nghiên cứu

Về số lượng trẻ bình quân một trường mầm non. Số liệu thống kê của năm trường mầm non được khảo sát, trong đó có bốn trường công lập và một trường tư thục có thể thấy số lượng trẻ trung bình một trường mầm non (gồm cả công lập và tư thục) tăng dần từ 324 trẻ/1 trường

trong năm học 2020-2021 lên 365 trẻ/1 trường trong năm học 2022-2023.

Đến năm học 2022-2023, tính trung bình mỗi trường mầm non có tổng cộng 366 trẻ, trong đó có gần 59 trẻ em nhà trẻ và 307 trẻ em mẫu giáo (Bảng 1). Như vậy, số lượng trẻ em 6-36 tháng tuổi thuộc nhà trẻ chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ, khoảng 16% và 845 tương đương 84% số còn lại là trẻ em mẫu giáo 36- 60 tháng tuổi.

Bảng 1. Số lượng trẻ nhà trẻ, mẫu giáo trong trường mầm non, năm học 2020 - 2023

Trường mầm non	Năm 2020-2021				Năm 2021-2022				Năm 2022-2023			
	Nhà trẻ		Mẫu giáo		Nhà trẻ		Mẫu giáo		Nhà trẻ		Mẫu giáo	
	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp
Công lập 1	64	3	463	15	80	3	444	16	80	3	478	16
Công lập 2	36	2	200	9	30	2	194	9	35	2	219	10
Công lập 3	20	2	182	9	25	2	198	10	34	2	200	10
Công lập 4	32	2	178	8	30	2	175	8	35	2	180	8
Tư thực	58	3	388	14	75	3	440	16	109	4	460	17
Tổng số	210	12	1411	55	240	12	1451	59	293	13	1537	61
Trung bình	42	2,4	282,2	11	48	2,4	290,2	11,8	58,6	2,6	307,4	12,2

Về đội ngũ nhân sự trường mầm non. Tổng số đội ngũ nhân sự gồm cán bộ, giáo viên và nhân viên trường mầm non cũng tăng lên trong thời gian qua. Cụ thể là tổng số nhân sự trung bình mỗi trường mầm non tăng từ 31 người

năm học 2020-2021 lên 32 người năm học 2022-2023 (Bảng 2). Đến năm học 2022-2023, cơ cấu nhân sự trường mầm non đạt mức cứ 1 cán bộ quản lý có 9 giáo viên và gần 0,7 nhân viên hỗ trợ.

Bảng 2. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non, năm học 2020 - 2023

Trường mầm non	Năm 2020-2021			Năm 2021-2022			Năm 2022-2023		
	Cán bộ	Giáo viên	Nhân viên	Cán bộ	Giáo viên	Nhân viên	Quản lý	Cán bộ	Nhân viên
Công lập 1	3	33	2	3	34	2	3	35	2
Công lập 2	3	18	2	3	19	2	3	20	2
Công lập 3	3	25	2	3	26	2	3	26	2
Công lập 4	3	16	1	3	17	1	3	17	1
Tư thực	3	37	2	3	38	2	3	37	3
Tổng số	15	129	9	15	134	9	15	135	10
Trung bình	3	25,8	1,8	3	26,8	1,8	3	27	2

Do mức tăng số lượng trẻ em mầm non nhanh hơn mức tăng số lượng giáo viên, nên tỉ lệ học sinh trên một giáo viên tăng từ 12,6 trẻ em/giáo viên lên 13,6 trẻ em/giáo viên trong giai đoạn 2020 - 2023. Đồng thời, số lượng trẻ bình quân một lớp học cũng tăng từ 24,2 trẻ/lớp

lên 24,7 trẻ em/lớp. Trong đó đối với nhà trẻ, số lượng trẻ em bình quân một lớp học tăng mạnh từ 17,5 trẻ em/lớp lên 22,5 trẻ em/lớp. Việc tăng số lượng trẻ em như vậy có thể gây áp lực đối với việc quản lý chất lượng giáo dục mầm non nói trong và quản lý hoạt động nuôi dưỡng,

chăm sóc trẻ em nhà trẻ (tuổi 6 - 36 tháng tuổi) nói riêng ở các trường mầm non tại địa bàn khảo sát. Số liệu thống kê của cả nước về giáo dục mầm non cho biết: số lượng trẻ em mẫu giáo (không bao gồm nhà trẻ) bình quân một lớp học (tại thời điểm ngày 30 tháng 9 hàng năm đã giảm từ 28,9 trẻ em năm học 1995-1996

xuống còn 25 trẻ em/1 lớp học năm học 2021-2022 và số lượng trẻ em/1 giáo viên giảm từ 25,7 trẻ em xuống còn 14 trẻ em/1 giáo viên trong cùng thời kỳ này [24].

Kết quả nghiên cứu thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi nêu ở Bảng 3 và 4.

Bảng 3. Ý kiến đánh giá của các bên liên quan về thực trạng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi

TT	Hoạt động	Đối tượng khảo sát	Ý kiến đánh giá					Điểm TB	Thứ bậc
			Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt		
1	“Chăm sóc sức khỏe và an toàn” cho trẻ	Cán bộ trường (số lượng)	0	0	4	18	8	3,1	3
		Cán bộ khác (số lượng)	0	0	5	10	5	2,0	8
		Giáo viên (%)	1,3	5,3	40,0	46,7	6,7	2,5	5
		Phụ huynh (%)	3,3	8,0	50,7	33,3	4,7	2,3	7
2	“Vệ sinh”: vệ sinh cá nhân và môi trường cho trẻ	Cán bộ trường (số lượng)	0	0	5	15	10	3,2	2
		Cán bộ khác (số lượng)	0	2	4	7	7	2,0	8
		Giáo viên (%)	1,3	8,0	47,3	40,0	3,3	2,4	6
		Phụ huynh (%)	2,7	9,3	52,7	32,0	3,3	3,3	1
3	“Tổ chức ngủ”: chăm sóc giấc ngủ cho trẻ	Cán bộ (số lượng)	0	0	6	17	7	3,0	4
		Cán bộ khác (số lượng)	0	2	3	8	7	2,0	8
		Giáo viên (%)	0	6,7	48,0	41,3	4,0	2,4	6
		Phụ huynh (%)	1,3	12,0	46,7	34,7	5,3	2,3	7
4	Tổ chức ăn: chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ	Cán bộ trường (số lượng)	0	0	5	18	7	3,1	3
		Cán bộ khác (số lượng)	0	1	5	10	4	1,8	9
		Giáo viên (%)	0,7	8,0	46,7	42,0	2,7	2,4	6
		Phụ huynh (%)	1,3	11,3	50,0	35,3	2,0	2,3	7
Điểm trung bình chung							2,5		

Theo thang điểm Likert, điểm trung bình của cả bốn hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc được các bên liên quan (gồm cán bộ, giáo viên nhà trường, cán bộ ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh) đánh giá đạt mức trung bình với 2,5/5 điểm. Tính điểm trung bình cho từng hoạt động có thể thấy trong bốn hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, hoạt động trực tiếp gắn với nuôi dưỡng là “Tổ chức ăn: chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ” đạt mức dưới trung bình với 2,4/5 điểm; Tiếp đến là hoạt động “Tổ chức ngủ: Chăm sóc giấc ngủ cho trẻ” đạt 2,43/5 điểm, tiếp đến là hoạt động “Chăm sóc sức khỏe và an toàn” cho trẻ đạt mức 2,48/5 điểm, và hoạt động “Vệ sinh: vệ sinh cá nhân và môi trường cho trẻ” đạt mức cao nhất những cũng chỉ trên trung bình là 2,73/5 điểm. Tính điểm trung bình cho từng nhóm người được khảo sát có thể thấy cán bộ liên quan đến giáo dục mầm non nhưng ở ngoài trường được khảo sát đã đánh giá cả bốn hoạt động “nuôi dưỡng, chăm sóc” đạt mức thấp nhất là 1,95/5 điểm; Tiếp đến là giáo viên trường mầm non được khảo sát đánh giá đạt mức 2,18/5 điểm; Tiếp đến là phụ huynh học sinh đánh giá đạt 2,53/5 điểm và cán bộ trường mầm non được khảo sát đánh giá đạt mức cao nhất với 3,1/5 điểm. Phát hiện này phù hợp với quy luật tâm lý trong đo lường, đánh giá: những người ngoài cuộc luôn đánh giá thấp kết quả của một sự vật, hiện tượng trong cuộc so với những người trong cuộc. Như vậy có thể thấy các kết quả khảo sát ý kiến đánh giá từ bốn bên liên quan là cán bộ trường, giáo viên, phụ huynh và cán bộ liên quan ngoài trường tuy có khác biệt nhưng đều cho thấy thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi mới chỉ

đạt mức trung bình. Điều này chứng tỏ rằng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cần được cải tiến rất nhiều với sự tham gia của các bên liên quan để có thể đạt mức khá và tốt.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng các chức năng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc.

Cuộc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan (cán bộ trường, giáo viên, phụ huynh và cán bộ ngoài trường) về bốn chức năng thuộc loại “kinh điển” của quản lý là chức năng lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc; chức năng tổ chức thực hiện; chức năng chỉ đạo thực hiện và chức năng kiểm tra, giám sát. Đồng thời, khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các bên về hai chức năng rất cơ bản, quan trọng của quản lý được nhấn mạnh trong các lý thuyết quản lý hiện đại. Đó là, thứ nhất, chức năng truyền thông, giáo dục thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi đối với nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non nói chung và trẻ em 6-36 tháng tuổi nói riêng. Thứ hai, chức năng phối hợp và huy động các bên liên quan gồm cả cộng đồng trong quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non, có thể gọi chung là quản lý theo tiếp cận tham gia hoặc quản lý theo tiếp cận cộng đồng. Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá được tính trung bình cho các bên liên quan trả lời câu hỏi và được trình bày theo thứ tự xếp hạng trong Bảng 4. Kết quả khảo sát cho biết tính trung bình sáu chức năng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ 6-36 tháng tuổi đạt mức dưới trung bình với 2,3/5 điểm. Trong đó, chức năng “lập kế hoạch” đạt mức điểm cao nhất là 2,8/5 điểm và chức năng “tổ chức thực hiện” và chức năng “truyền thông” đạt mức điểm thấp nhất là 2,1/5 điểm.

Bảng 4. Điểm trung bình và điểm xếp hạng đánh giá thực trạng các chức năng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi

Chức năng quản lý	Điểm trung bình	Xếp hạng
1. Lập kế hoạch	2,8	1
2. Chỉ đạo thực hiện	2,4	2
3. Kiểm tra, đánh giá	2,3	3
4. Huy động tham gia	2,2	4
5. Tổ chức thực hiện	2,1	5,5
6. Truyền thông	2,1	5,5
Chung	2,3	0

4.2. Bình luận

Giáo dục mầm non được đổi mới theo hướng đa dạng hóa các loại hình trường lớp gồm trường công lập, trường tư thục và nhóm trẻ gia đình từ những năm đầu 1990 đến nay. Số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết năm học 2021 - 2022, số lượng trẻ trường mầm non công lập chiếm 71% và còn lại 29% trẻ thuộc trường mầm non tư thục, dân lập. Nghiên cứu này không đặt ra mục đích so sánh nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non giữa các trường mầm non công lập và các trường mầm non tư thục, dân lập. Tuy nhiên, số liệu thống kê về số lượng học sinh mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng cục Thống kê đều cho thấy xu hướng chung là số lượng học sinh bình quân/1 lớp học và bình quân 1 giáo viên đều giảm đi đối với cả trường mầm non công lập và trường mầm non tư thục trong suốt thời kỳ đổi mới vừa qua. Điều này chứng tỏ trên phạm vi cả nước chất lượng giáo dục mầm non nói chung được cải thiện đối với cả khu vực công lập và khu vực ngoài công lập, tư thục. Nghiên cứu này phát hiện thấy số lượng trẻ bình quân một lớp học và một giáo viên có xu hướng tăng nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình của nước. Điều này có thể phản ánh một thực tế là chất lượng giáo dục mầm non nói chung và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi ở các trường được khảo sát cao hơn mức trung bình cả nước, nhưng đang đối mặt với áp lực tăng mức độ tích tụ dân số ở khu vực thành thị cao hơn so với mức tăng cung giáo dục mầm non. Về thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi, các bên liên quan được khảo sát đều đánh giá ở mức trung bình.

Kết quả khảo sát này có thể cho thấy một mặt, quan điểm “trẻ em hôm nay thế giới ngày mai” và “đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển” được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi [1, 26]. Mặt khác, quan điểm này được hiện thực hóa nhưng chưa đầy đủ trong thực tế giáo dục mầm non nói chung và ở nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi nói riêng. Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của các bên về các chức năng quản lý có thể giải thích rõ thêm “thực trạng trung bình” này. Thực trạng quản lý

nói chung được đánh giá ở mức 2,3/5 điểm thấp hơn so với thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc với mức 2,5/5 điểm. Điều này có thể cho thấy quản lý chưa theo kịp đối tượng bị quản lý. Trong sáu chức năng quản lý, chức năng được đánh giá đạt mức cao nhất cũng chỉ ở mức 2,8/5 điểm và hai chức năng quản lý “tổ chức thực hiện” và “truyền thông” đều được đánh giá đạt mức thấp nhất là 2,1/5 điểm. Như vậy, năm trong sáu chức năng của quản lý đều bị đánh giá dưới mức trung bình và cần được cải tiến mạnh để nâng cao. Trong đó chức năng “truyền thông” thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi đối với việc tham gia của các bên liên quan bao gồm cả cộng đồng xã hội cần đặc biệt quan tâm và cải tiến để có thể hiểu đúng, làm đúng quan điểm “đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển” vì “trẻ em hôm nay, thế giới hôm nay và thế giới ngày mai”.

Một phát hiện đáng chú ý của nghiên cứu này là các bên liên quan đánh giá cho điểm trung bình hoặc dưới trung bình đối với các chiều cạnh của thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 6-36 tháng tuổi. Điều này có thể phản ánh yêu cầu, kỳ vọng rất cao của các bên liên quan và cũng là của cộng đồng xã hội tại một thành phố đang phát triển mạnh đối với quản lý giáo dục nói chung và quản lý giáo dục mầm non đối với trẻ em 6-36 tháng tuổi nói riêng.

Đồng thời phát hiện này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới căn bản toàn diện giáo dục mầm non không chỉ đối với nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, quản lý của các trường mầm non mà còn đối với các bên liên quan nhất là cán bộ quản lý ở địa phương và phụ huynh. Kết quả khảo sát cho thấy một mặt rất cần cải tiến truyền thông và huy động sự tham gia sâu rộng của các bên trong cộng đồng xã hội trong giáo dục mầm non. Mặt khác cần cải tiến các chức năng quản lý trường mầm non tập trung vào nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì sự phát triển toàn diện của trẻ em.

5. Kết luận

Theo cách tiếp cận lý thuyết hệ thống và thông qua nghiên cứu trường hợp một số trường

mầm non, bài viết này phát hiện thấy sự cần thiết của việc nghiên cứu vận dụng các lý thuyết của các khoa học giáo dục trong đó có lý thuyết về học tập và các lý thuyết về quản lý, lãnh đạo, quản trị, hành chính để làm rõ những vấn đề của giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng [4, 20, 21]. Về mặt lý thuyết, việc quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi cần được thực hiện theo hướng phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi của trẻ em trong môi trường được kiến tạo chuyên nghiệp, hiện đại nhằm phát triển toàn diện các phẩm chất năng lực của trẻ em. Về mặt thực tiễn, kết quả khảo sát một số trường mầm non cho thấy các bên liên quan trong và ngoài trường mầm non đều đánh giá mức độ trung bình đối với thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc và thực trạng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi. Những phát hiện này cho thấy các bên liên quan nhất là cán bộ nhà trường, giáo viên, phụ huynh và cán bộ các cấp quản lý ở địa phương cần tiếp tục tích cực, chủ động tham gia công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục mầm non nói riêng. Một gợi mở cụ thể của bài viết là quản lý giáo dục hiệu theo nghĩa rộng bao gồm cả lãnh đạo, quản trị, hành chính giáo dục cần tập trung truyền thông thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi về giáo dục đối với trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi để cải tiến chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc gắn với bảo vệ, giáo dục trẻ em. Đồng thời, quản lý giáo dục cần huy động sự tham gia của các bên liên quan trong và ngoài trường học, nhất là các cấp quản lý ở địa phương trong việc nâng cao chất lượng giáo dục gắn liền với thực hiện đúng quan điểm đầu tư giáo dục là đầu tư phát triển và mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nhà trẻ với nghĩa là “nền tảng của nền tảng giáo dục” cho toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vietnam National Assembly, The Law of Education, Hanoi: Political Publishing House, 2018.
- [2] UNDP, Convention on the Rights of the Child, UNICEF, <https://www.unicef.org/vietnam/media/2191/file/C%3B4ng%20C6%B0%E1%BB%9Bc%20LHQ%20v%E1%BB%81%20Quy%E1%BB%81n%20Tr%E1%BA%BB%20em.pdf/>, 1989 (accessed on: July 12th, 2020).
- [3] C. N. T. Dung, Theoretical Issues of the Management of Child Care, Nursing in Preschools, Journal of Education, Special Issue, Period 3, 2017, pp. 22-24.
- [4] L. N. Hung, Theory of Educational Sciences: Learning, Leadership, Management, Hanoi: Vietnam National University Press, 2022.
- [5] N. H. Tan, “Mothers” Knowledge and Practice to Prevent Malnutrition among Children 6-24 Months and some Related Factors in Tan Hoi Commune, Duc Trong District, Lam Dong Province in 2015, Journal of Science Yersin - Science & Technology, 2019.
- [6] P. M. Le, The Status of Child Care, Nursing in Preschool, District 5, Ho Chi Minh City, Journal of Science, The University of Pedagogy, Hue University, No. 2, 2019, pp. 179-185.
- [7] H. T. Nhan, Managerial Measures of Child Care, Nursing in Preschool, District 1, Ho Chi Minh City, Journal of Education, 2021, pp. 42-46.
- [8] N. T. Hien, Developing Instruments Studying Criteria on Nursing, Health Care and Education of Children in the Professional Criteria Influencing Preschool Teacher’s Professional Skills, Journal of Education, 2021, pp. 8-13.
- [9] J. B. Watson, Psychology as the Behaviorist Views it, Psychological Review, Vol. 20, No. 2, 1913, pp. 158-177.
- [10] L. S. Vygotsky, Thought and Language (Edited and Translated by A. Kozulin), Cambridge, MA, MIT Press and Wileit (Originally Published in Russian in 1934, First Published in English in 1962, 1986).
- [11] J. Piaget, The Language and thought of the Child, London, New York: Harcourt, Brace & Company, Inc; (Le Language et la Pensée de L’Enfant, 1924.
- [12] E. H. Erikson, J. M. Erikson, Childhood and Society, New York, NY: W.W. Norton, 1950.
- [13] A. Bandura, Social Learning Theory, Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall, 1977.
- [14] U. Bronfenbrenner, The Ecology of Human Development: Experiments by Nature and Design, Cambridge, MA, Harvard University Press, 1979.
- [15] L. Kohlberg, Essays on Moral Development, Vol. I: The Philosophy of Moral Development, San Francisco, CA: Harper & Row, 1981.
- [16] D. A. Kolb, Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 1984.
- [17] H. Gardner, Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences, New York, NY, Basic Book, 2011.

- [18] H. Fayol, *Administration Industrielle et Générale: Prévoyance, Organisation, Commandement, Coordination, Contrôle*, Paris: Dunod, 1917.
- [19] Ministry of Education and Training, *The Preschool Education Program*, Issued by the Decision 01/VNHN-BGDDT, 2021 (in Vietnamese).
- [20] L. N. Hung, *Leadership, Governance, Management, Administration in Training Teacher and Education Officers*, Vietnam National University Journal: Educational Research, Vol. 37, No. 3, 2021, pp. 1-10.
- [21] L. N. Hung, *Systems Theories Applied in the Research of Educational Management in Vietnam*, Journal of Sociology, 2022.
- [22] J. Gharajedaghi, *Systems Thinking: Managing Chaos and Complexity: A Platform for Designing Business*, USA: Boston, 2006.
- [23] K. T. V. Anh, *The Management of Care, Nursing of the Children Aged 6-36 Months at Preschools in Vinh Yen City, Vinh Phuc Province from Participation Approach*, Unpublished Master Thesis in Educational Management, The University of Education, Vietnam National University Hanoi, 2023 (in Vietnamese).
- [24] General Statistical Office, *Statistical Data on Education*, <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V1001&theme=Gi%C3%A1o%20d%E1%BB%A5c/>, 2024 (accessed on: July 12th, 2020).